

Số: **2348** / BYT-BHHà Nội, ngày **10** tháng **4** năm **2015**

V/v đẩy nhanh ứng dụng

CNTT trong KCB và BHYT

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG	
ĐẾN	Số: 204
	Ngày: 27/4/15
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Thông báo số 102/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 27/3/2015 về việc tin học hóa trong bảo hiểm y tế, Bộ Y tế đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Y tế khẩn trương triển khai và thực hiện một số nội dung, công việc sau:

1. Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn đẩy nhanh tiến độ tin học hóa trong khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

2. Đôn đốc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo đảm trích xuất "Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh" theo Quyết định số 3455/QĐ-BYT ngày 16/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các biểu mẫu tổng hợp danh sách khám, chữa bệnh đề nghị thanh toán BHYT (mẫu số 79a-HD và 80a-HD) theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tạm thời thực hiện yêu cầu đầu ra dữ liệu của phần mềm quản lý theo các thông tin trong bảng 1, bảng 2 và bảng 3 của phụ lục đính kèm công văn này để đồng bộ dữ liệu trong toàn quốc phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và thanh toán bảo hiểm y tế, các thông tin trong 3 bảng nêu trên cần được mô tả theo định dạng XML và bộ font chữ Unicode; bảo đảm cung cấp dữ liệu đầu ra hoàn thành trước 31/12/2015. Khuyến khích các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện áp dụng bảng 4, bảng 5 của phụ lục đính kèm.

4. Kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện, chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân và Bộ Y tế để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP (để báo cáo);
- BHXH Việt Nam;
- Sở Y tế các tỉnh, TP (để thực hiện);
- Các Vụ, Cục: KCB, KH-TC, CNTT, YDCT, QL Dược, TTB&CTYT;
- Lưu: VT, BH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Lê Tuấn

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	x	Mã đợt điều trị duy nhất (Còn dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp và các bảng chi tiết trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)).
2	stt	Số	6	x	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	ma_bn	Chuỗi	15		Mã số bệnh nhân qui định tại CSKCB
4	ho_ten	Chuỗi	255	x	Họ và tên người bệnh
5	ngay_sinh	Chuỗi	8	x	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (Nếu không có ngày sinh thì xuất năm sinh: 4 ký tự)
6	gioi_tinh	Số	1	x	Giới tính (mã hóa Nam=1; Nữ=2)
7	dia_chi	Chuỗi	255	x	Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ trên giấy tờ thay thế
8	ma_the	Chuỗi	15	x	Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp
9	ma_dkbd	Chuỗi	5	x	Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT
10	gt_the_tu	Chuỗi	8	x	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
11	gt_the_den	Chuỗi	8	x	Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
12	ma_benh	Chuỗi	5	x	Mã bệnh chính, mã hóa theo ICD X
13	ma_benhkhac	Chuỗi	30		Mã bệnh khác, mã hóa theo ICD X, có nhiều Mã ICD được phân cách bằng ký tự ","
14	ten_benh	Chuỗi	255		Ghi tên bệnh trong trường hợp chưa có mã bệnh theo ICD X
15	ma_lydo_vvien	Số	1	x	Mã hóa đối tượng đến khám BHYT: 1= đúng tuyến, 2= cấp cứu, 3= trái tuyến
16	ma_noi_chuyen	Chuỗi	5		Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (Mã do cơ quan BHXH cấp)
17	ma_tai_nan	Số	1		Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích)
18	ngay_vao	Chuỗi	12	x	Thời gian đến khám hoặc nhập viện theo ngày, giờ; gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
19	ngay_ra	Chuỗi	12	x	Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920
20	so_ngay_dtri	Số	3	x	Số ngày điều trị thực tế
21	ket_qua_dtri	Số	1		Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Từ vong)
22	tinh_trang_rv	Số	1		Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
23	ngay_ttoan	Chuỗi	12	x	Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút

24	muc_nuong	Số	3	x	bệnh (trường hợp đúng tuyên ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyên ghi mức hưởng x tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện)
25	t_tongchi	Số	15	x	Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị
26	t_bntt	Số	15	x	Số tiền đề nghị BHXH thanh toán
27	t_bhth	Số	15	x	Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số
28	t_nguonkhac	Số	15		Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ
29	t_ngoaidis	Số	15		Chi phí ngoài định suất
30	nam_qt	Số	4	x	Năm đề nghị BHXH thanh toán
31	thang_qt	Số	2	x	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
32	ma_loaikcb	Số	1	x	Mã hóa hình thức KCB: (1: khám bệnh; 2: điều trị ngoại trú; 3: điều trị nội trú)
33	ma_cskcb	Chuỗi	5	x	Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp)
34	ma_khuvuc	Chuỗi	2		Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3"
35	ma_PTTT_QT	chuỗi	5		Mã PTTT Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi " ; " ; ").

Bảng 2. Chỉ tiêu chi tiết thuốc thanh toán BHYT

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	x	Mã đợt điều trị duy nhất (Còn dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp và các bảng chi tiết trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)).
2	stt	Số	3	x	Số thứ tự tăng 1 đến n lần gửi dữ liệu
3	ma_thuoc	Chuỗi	15	x	Mã thuốc theo quy định Bộ mã danh mục
4	ma_nhom	Chuỗi	4		Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục bảng 6
5	ten_thuoc	Chuỗi	255	x	Tên thuốc ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
6	don_vi_tinh	Chuỗi	50	x	Đơn vị tính ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
7	ham_luong	Chuỗi		x	Hàm lượng ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
8	duong_dung	Chuỗi		x	Đường dùng ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
9	so_dang_ky	Chuỗi	8		Số đăng ký của thuốc theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
10	so_luong	Số	5	x	Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân
11	don_gia	Số	15	x	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến 2 chữ số thập phân
12	tyle_tt	Số	3		Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với thuốc
13	thanh_tien	Số	15		=so_luong x don_gia x tyle_tt (Làm tròn đến hàng đơn vị => tiền đồng)
14	ma_khoa	Chuỗi	3		Mã khoa bệnh nhân được chỉ định sử dụng thuốc (tham chiếu phụ lục Bảng 7)
15	ma_bac_si	Chuỗi	8		Bác sỹ chỉ định (mã hóa theo số chứng chỉ hành nghề)
16	ma_benh	Chuỗi	5		Mã bệnh chính được bác sỹ chẩn đoán tại thời điểm khám bệnh; nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu ","
17	ngay_yl	Chuỗi	12		Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHH:mi = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

1

Bảng 3. Chỉ tiêu chi tiết dịch vụ kỹ thuật và vật tư thanh toán BHYT

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	x	Mã đợt điều trị duy nhất (Còn dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp và các bảng chi tiết trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)).
2	stt	Số	3	x	Số thứ tự tăng 1 đến n lần gửi dữ liệu
3	ma_dich_vu	Chuỗi	15	x	Mã dịch vụ quy định tại Bộ mã danh mục
4	ma_vat_tu	Chuỗi	15		Mã vật tư sử dụng quy định tại Bộ mã danh mục, chỉ ghi các vật tư chưa có trong cơ cấu giá dịch vụ
5	ma_nhom	Chuỗi	4		Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục bảng 6
6	ten_dich_vu	Chuỗi	255	x	Tên dịch vụ
7	don_vi_tinh	Chuỗi	50	x	Đơn vị tính
8	so_luong	Số	5	x	Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân
9	don_gia	Số	15	x	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến 2 chữ số thập phân
10	tyle_tt	Số	3		Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với dịch vụ
11	thanh_tien	Số	15		=so_luong x don_gia x tyle_tt (Làm tròn đến tiền đồng)
12	ma_khoa	Chuỗi	3		Mã khoa nơi phát sinh dịch vụ (tham chiếu phụ lục Bảng 7)
13	ma_bac_si	Chuỗi			Bác sỹ khám và chỉ định (mã hóa theo sổ giấy phép hành nghề)
14	ma_benh	Chuỗi	18		Mã bệnh chính (theo ICD X) được bác sỹ chẩn đoán tại thời điểm khám bệnh; nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu ";"
15	ngay_yl	Chuỗi	12		ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHH:mi = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
16	ngay_kq	Chuỗi	12		Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHH:mi = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

Trường hợp dịch vụ có sử dụng vật tư kèm theo: ghi mã dịch vụ tại hàng (3: ma_dich_vu),
ghi mã vật tư tại hàng (4: ma_vat_tu)



Bảng 4. Chỉ tiêu chỉ số kết quả cận lâm sàng

STT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	Mã đợt điều trị duy nhất (Còn dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp và các bảng chi tiết trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)).
2	stt	Số	3	Số thứ tự tăng từ 1 đến n
3	ma_dich_vu	Chuỗi	15	Mã dịch vụ kỹ thuật CLS
4	ma_chi_so	Chuỗi		Mã chỉ số xét nghiệm
5	ten_chi_so	Chuỗi		Tên chỉ số xét nghiệm
6	gia_tri	Chuỗi		Giá trị chỉ số (Kết quả xét nghiệm)
7	ma_may	Chuỗi		Mã danh mục máy CLS (máy XN, Máy XQ, Siêu âm...)
8	mo_ta	Chuỗi		Mô tả do người đọc kết quả ghi
9	ket_luan	Chuỗi		Kết luận của người đọc kết quả
10	ngay_kq	Chuỗi	12	Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmi = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

Handwritten signature

Bảng 5. Chỉ tiêu theo dõi diễn biến lâm sàng

ST T	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	Mã đợt điều trị duy nhất (Còn dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp và các bảng chi tiết trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)).
2	stt	Số	3	Số thứ tự tăng tự 1 đến n
3	dien_bien	Chuỗi		Ghi diễn biến bệnh trong lần khám
4	hoi_chan	Chuỗi		Ghi kết quả hội chẩn (nếu có)
5	phau_thuat	Chuỗi		Mô tả cách thức phẫu thuật
6	ngay_yl	Chuỗi	12	Ngày ra y lệnh (gồm 13 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmi = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

Bảng 6 Danh mục nhóm theo chi phí

Mã	Tên nhóm	Ghi chú
1	Xét nghiệm	
2	Chẩn đoán hình ảnh	
3	Thăm dò chức năng	
4	Thuốc trong danh mục BHYT	
5	Thuốc điều trị ung thư, chống thải ghép ngoài danh mục	
6	Thuốc thanh toán theo tỷ lệ	Ngoài danh mục thì tỷ lệ = 0
7	Máu và chế phẩm máu	
8	Thủ thuật, phẫu thuật	
9	DVKT thanh toán theo tỷ lệ	Ngoài danh mục thì tỷ lệ = 0
10	Vật tư y tế trong danh mục BHYT	
11	VTYT thanh toán theo tỷ lệ	Ngoài danh mục thì tỷ lệ = 0
12	Vận chuyển	
13	Khám bệnh	Áp dụng cho ngoại trú
14	Giường điều trị ngoại trú	Áp dụng cho ngoại trú
15	Giường điều trị nội trú	Áp dụng cho nội trú

Bảng 7: Mã hóa danh mục khoa

STT	Tên khoa	ma_khoa
1	1. Khoa khám bệnh	K01
2	2. Khoa Hồi sức cấp cứu	K02
3	3. Khoa Nội tổng hợp	K03
4	4. Khoa Nội tim mạch	K04
5	5. Khoa Nội tiêu hoá	K05
6	6. Khoa Nội cơ – xương - khớp	K06
7	7. Khoa Nội thận - tiết niệu	K07
8	8. Khoa Nội tiết	K08
9	9. Khoa dị ứng	K09
10	10. Khoa huyết học lâm sàng	K10
11	11. Khoa truyền nhiễm	K11
12	12. Khoa Lao	K12
13	13. Khoa da liễu	K13
14	14. Khoa thần kinh	K14
15	15. Khoa Tâm thần	K15
16	16. Khoa Y học cổ truyền	K16
17	17. Khoa Lão học	K17
18	18. Khoa Nhi	K18
19	19. Khoa Ngoại tổng hợp	K19
20	20. Khoa Ngoại thần kinh	K20
21	21. Khoa ngoại lồng ngực	K21
22	22. Khoa ngoại tiêu hoá	K22
23	23. Khoa Ngoại thận – tiết niệu	K23
24	24. Khoa Chấn thương chỉnh hình	K24
25	25. Khoa Bỏng	K25
26	26. Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức	K26
27	27. Khoa Phụ sản	K27
28	28. Khoa Tai – Mũi - Họng	K28
29	29. Khoa Răng – Hàm - Mặt	K29
30	30. Khoa Mắt	K30
31	31. Khoa vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	K31
32	32. Khoa Y học hạt nhân	K32
33	33. Khoa Ung bướu (điều trị tia xạ)	K33
34	34. Khoa Truyền máu	K34
35	35. Khoa Lọc máu (thận nhân tạo)	K35
36	36. Khoa Huyết học	K36
37	37. Khoa hoá sinh	K37
38	38. Khoa Vi sinh	K38
39	39. Khoa Chẩn đoán hình ảnh	K39
40	40. Khoa Thăm dò chức năng	K40
41	41. Khoa Nội soi	K41
42	42. Khoa giải phẫu bệnh	K42
43	43. Khoa Chống nhiễm khuẩn	K43
44	44. Khoa Dược	K44
45	45. Khoa Dinh dưỡng	K45

+

Bảng 8: Bảng mã hóa tai nạn thương tích

Mã	Tên nhóm	Ghi chú
0	Không	
1	Tai nạn giao thông	
2	Tai nạn lao động	
3	Tai nạn dưới nước	
4	Bỏng	
5	Bạo lực, xung đột	
6	Tự tử	
7	Ngộ độc các loại	
8	Khác	

6